

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 2 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	071	6157	00000	0	0	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000
Các khoản hỗ trợ khác	12	071	6199	00000	0	0	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000
Lương theo ngạch, bậc	13	071	6001	00000	0	0	309.895.560	603.738.719	309.895.560	603.738.719
Lương khác	13	071	6049	00000	0	0	4.998.240	9.996.480	4.998.240	9.996.480
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	071	6051	00000	0	0	29.760.000	59.520.000	29.760.000	59.520.000
Phụ cấp chức vụ	13	071	6101	00000	0	0	8.424.000	16.848.000	8.424.000	16.848.000
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	071	6105	00000	0	0	22.680.715	22.680.715	22.680.715	22.680.715
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	071	6112	00000	0	0	104.952.393	208.007.046	104.952.393	208.007.046
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	071	6113	00000	0	0	1.404.000	2.808.000	1.404.000	2.808.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	071	6115	00000	0	0	33.658.917	59.099.397	33.658.917	59.099.397
Bảo hiểm xã hội	13	071	6301	00000	0	0	66.804.234	129.361.071	66.804.234	129.361.071
Bảo hiểm y tế	13	071	6302	00000	0	0	11.452.156	22.176.185	11.452.156	22.176.185
Kinh phí công đoàn	13	071	6303	00000	0	0	5.088.506	12.237.860	5.088.506	12.237.860
Bảo hiểm thất nghiệp	13	071	6304	00000	0	0	3.817.383	7.392.060	3.817.383	7.392.060
Tiền nước	13	071	6502	00000	0	0	3.337.600	3.337.600	3.337.600	3.337.600
Tiền vệ sinh, môi trường	13	071	6504	00000	0	0	730.474	730.474	730.474	730.474

Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	13	071	6601	00000	0	0	66.000	110.000	66.000	110.000
Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	13	071	6605	00000	0	0	1.518.000	2.530.000	1.518.000	2.530.000
Khác	13	071	6649	00000	0	0	0	1.530.000	0	1.530.000
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	071	6701	00000	0	0	276.000	276.000	276.000	276.000
Phụ cấp công tác phí	13	071	6702	00000	0	0	1.050.000	1.050.000	1.050.000	1.050.000
Khoản công tác phí	13	071	6704	00000	0	0	4.500.000	9.000.000	4.500.000	9.000.000
Thuê lao động trong nước	13	071	6757	00000	0	0	14.420.000	28.840.000	14.420.000	28.840.000
Thuê đào tạo lại cán bộ	12	085	6758	00000	0	0	10.655.000	10.655.000	10.655.000	10.655.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	071	6912	00000	0	0	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	13	071	6949	00000	0	0	29.525.000	63.331.438	29.525.000	63.331.438
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	071	7001	00000	0	0	1.360.000	1.360.000	1.360.000	1.360.000
Chi khác	13	071	7049	00000	0	0	1.600.000	10.160.000	1.600.000	10.160.000
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	13	071	7053	00000	0	0	0	5.000.000	0	5.000.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	071	7766	00000	0	0	57.662.000	57.662.000	57.662.000	57.662.000
Chi các khoản khác	13	071	7799	00000	0	0	4.800.000	28.650.000	4.800.000	28.650.000
Cộng:					0	0	748.886.178	1.392.538.045	748.886.178	1.392.538.045
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 25 tháng 6 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 24 tháng 6 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Ton Gia Huy

Người ký: Tuyen Do Thi Kim 01
Ngày ký: 25/06/2025 11:19:59
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVII

Tuyen Do Thi Kim 01

Người ký: Trần Ngọc Phương Ngân
Ngày ký: 24/06/2025 17:57:25
Đơn vị: Trường Mẫu Giáo Thuận Thành

Trần Ngọc Phương Ngân

Người ký: Phạm Thị Hồng Lan
Ngày ký: 24/06/2025 18:01:31
Đơn vị: Trường Mẫu Giáo Thuận Thành

Phạm Thị Hồng Lan